

**CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN ĐẦU TƯ B-HOMES**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN ĐẦU TƯ B-HOMES

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: B-HOMES CONSULTING INVESTMENT JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt: B-HOMES., JSC

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0109104423

**3. Ngày thành lập:** 26/02/2020

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Số 93 La Thành, Phường Ô Chợ Dừa, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0386123281

Fax:

Email:

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                       | Mã ngành |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------|
| 1.  | Khai thác và thu gom than non                                                                                                                   | 0520     |
| 2.  | Khai thác và thu gom than cứng                                                                                                                  | 0510     |
| 3.  | Khai thác quặng sắt                                                                                                                             | 0710     |
| 4.  | Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét                                                                                                                 | 0810     |
| 5.  | Khai thác khoáng hoá chất và khoáng phân bón                                                                                                    | 0891     |
| 6.  | Khai thác và thu gom than bùn                                                                                                                   | 0892     |
| 7.  | Sửa chữa thiết bị điện                                                                                                                          | 3314     |
| 8.  | Sản xuất điện                                                                                                                                   | 3511     |
| 9.  | Phá dỡ                                                                                                                                          | 4311     |
| 10. | Chuẩn bị mặt bằng                                                                                                                               | 4312     |
| 11. | Lắp đặt hệ thống điện                                                                                                                           | 4321     |
| 12. | Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa<br>(trừ hoạt động đấu giá hàng hóa)                                                                          | 4610     |
| 13. | Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan<br>Chi tiết: Bán buôn nhiên liệu, dầu mỡ nhờn, dầu bôi trơn                        | 4661     |
| 14. | Bán buôn kim loại và quặng kim loại<br>Chi tiết: Bán buôn quặng kim loại; Bán buôn sắt, thép; Bán buôn kim loại khác; Kinh doanh vàng trang sức | 4662     |
| 15. | Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng                                                                                         | 4663     |
| 16. | Kho bãi và lưu giữ hàng hóa                                                                                                                     | 5210     |
| 17. | Dịch vụ lưu trú ngắn ngày                                                                                                                       | 5510     |
| 18. | Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Hoạt động tư vấn đầu tư                                                  | 6619     |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              |             |
|-----|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 19. | Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê<br>Chi tiết: Kinh doanh bất động sản                                                                                                                                                                                                                                                                                   | 6810        |
| 20. | Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất<br>Chi tiết:<br>- Môi giới bất động sản<br>- Tư vấn bất động sản                                                                                                                                                                                                                                                                           | 6820(Chính) |
| 21. | Hoạt động tư vấn quản lý                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | 7020        |
| 22. | Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | 7320        |
| 23. | Hoạt động thiết kế chuyên dụng                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | 7410        |
| 24. | Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Hoạt động phiên dịch; Hoạt động môi giới thương mại, sắp xếp có mục đích và bán ở mức nhỏ và trung bình, bao gồm cả thực hành chuyên môn, không kể môi giới bất động sản; Hoạt động đánh giá trừ bất động sản và bảo hiểm (cho đồ cổ, đồ trang sức...); Hoạt động tư vấn khác trừ tư vấn kiến trúc, kỹ thuật và quản lý | 7490        |
| 25. | Dịch vụ hệ thống bảo đảm an toàn                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | 8020        |
| 26. | Dịch vụ hỗ trợ tổng hợp                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | 8110        |
| 27. | Dịch vụ chăm sóc và duy trì cảnh quan                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | 8130        |
| 28. | Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | 8230        |

**6. Vốn điều lệ:** 20.000.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

**7. Số cổ phần được quyền chào bán:**

**8. Cổ đông sáng lập:**

| STT | Tên cổ đông       | Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức | Loại cổ phần              | Số cổ phần | Giá trị cổ phần (VNĐ) | Tỷ lệ (%) | Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập | Ghi chú |
|-----|-------------------|--------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------|------------|-----------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
| 1   | NGUYỄN MINH NHUNG | Số 51 Ngõ Văn Chương, Phường Văn Chương, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam    | Cổ phần phổ thông         | 400.000    | 4.000.000.000         | 20,000    | 001191000964                                                                                |         |
|     |                   |                                                                                      | Cổ phần ưu đãi biểu quyết | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |                   |                                                                                      | Cổ phần ưu đãi cổ tức     | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |                   |                                                                                      | Cổ phần ưu đãi hoàn lại   | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |                   |                                                                                      | Các cổ phần ưu đãi khác   | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |                   |                                                                                      | Tổng số                   | 400.000    | 4.000.000.000         | 20,000    |                                                                                             |         |
|     |                   |                                                                                      |                           |            |                       |           |                                                                                             |         |
| 2   | HÀ TUẤN ANH       | Tổ 3, Phường Văn Quán, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam                      | Cổ phần phổ thông         | 700.000    | 7.000.000.000         | 35,000    | 111456710                                                                                   |         |
|     |                   |                                                                                      | Cổ phần ưu đãi biểu quyết | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |                   |                                                                                      | Cổ phần ưu đãi cổ tức     | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |                   |                                                                                      | Cổ phần ưu đãi hoàn lại   | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |                   |                                                                                      | Các cổ phần ưu đãi khác   | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |                   |                                                                                      | Tổng số                   | 700.000    | 7.000.000.000         | 35,000    |                                                                                             |         |
|     |                   |                                                                                      |                           |            |                       |           |                                                                                             |         |

|   |             |                                                                                         |                           |         |               |        |              |
|---|-------------|-----------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------|---------|---------------|--------|--------------|
| 3 | LÊ HUY ĐÔNG | 105A A2 Tập thể Thành Công, Phường Thành Công, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội, Việt Nam | Cổ phần phổ thông         | 900.000 | 9.000.000.000 | 45,000 | 001080021154 |
|   |             |                                                                                         | Cổ phần ưu đãi biểu quyết | 0       | 0             | 0,000  |              |
|   |             |                                                                                         | Cổ phần ưu đãi cổ tức     | 0       | 0             | 0,000  |              |
|   |             |                                                                                         | Cổ phần ưu đãi hoàn lại   | 0       | 0             | 0,000  |              |
|   |             |                                                                                         | Các cổ phần ưu đãi khác   | 0       | 0             | 0,000  |              |
|   |             |                                                                                         | Tổng số                   | 900.000 | 9.000.000.000 | 45,000 |              |
|   |             |                                                                                         |                           |         |               |        |              |

### 9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

| STT | Tên cổ đông | Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức | Loại cổ phần | Số cổ phần | Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có) | Tỷ lệ (%) | Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức | Ghi chú |
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------|--------------|------------|-------------------------------------------------------------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
|     |             |                                                                      |              |            |                                                                         |           |                                                                                                               |         |

### 10. Người đại diện theo pháp luật:

\* Họ và tên: NGUYỄN MINH NHUNG

Giới tính: Nữ

Chức danh: *Tổng giám đốc*

Sinh ngày: 30/11/1991

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: *Chứng minh nhân dân*

Số giấy chứng thực cá nhân: 001191000964

Ngày cấp: 16/07/2015

Nơi cấp: *Cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư*

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: *Số 51 Ngõ Văn Chương, Phường Văn Chương, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

Chỗ ở hiện tại: *Số 51 Ngõ Văn Chương, Phường Văn Chương, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

**11. Nơi đăng ký:** Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội